| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MỸ TÚ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 51/2018/DS-ST
Ngày: 30/11/2018
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Thanh Chiều.

2. Ông Trần Văn Lâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lý Thị Hồng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu, số 26 - 26, đường Nam Kỳ Khởi N, quận, Thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Sĩ K - Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Giấy ủy quyền số: 442/2018/GUQ-TTT ngày 09/3/2018 (có mặt).

*2. Bị đơn:* Ông Trần Thanh N (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2018 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Sĩ K trình bày:*

Ngày 24 tháng 8 năm 2012 ông N có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng)

Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 13.290.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/6/2014 ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền (gốc và lãi) là 12.950.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23 tháng 10 năm 2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Trần Thanh N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến xét xử (ngày 30/11/2018) tổng cộng là 19.429.654 đồng. Trong đó, tiền gốc là 7.437.154 đồng, lãi trong hạn 7.995.000 đồng, lãi quá hạn là 3.997.500 đồng và lãi phát sinh chậm trả đến khi trả dứt nợ.

*Đối với bị đơn ông Trần Thanh N:* Ông N đã bỏ địa phương, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới nên sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông N theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Trần Thanh N chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc bị đơn ông Trần Thanh N trả cho nguyên đơn Ngân hàng số tiền vay gốc và lãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Thanh N đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Thanh N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho ông N, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N thanh toán không đúng như thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vốn và lãi còn thiếu. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền).

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản (tiền) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Trần Thanh N có địa chỉ ấp Tân T, xã Long H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/11/2018) bao gồm tiền gốc và lãi là 19.429.654 đồng. Trong đó, tiền gốc là 7.437.154 đồng, lãi trong hạn là 7.995.000 đồng, lãi quá hạn là 3.997.500 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 13.290.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/6/2014 ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 12.950.000 đồng, từ ngày 23/6/2014 đến thời điểm hiện nay ông N không thanh toán cho Ngân hàng. Theo thỏa thuận tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông N đã vi phạm hợp đồng. Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 305, Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, Ngân hàng khởi kiện ông N phải thanh toán tiền gốc; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Ông Trần Thanh N phải chịu là 971.483 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 305, Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Buộc bị đơn ông Trần Thanh N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tổng cộng là 19.429.654 đồng (trong đó, tiền gốc 7.437.154 đồng; tiền lãi trong hạn 7.995.000 đồng và tiền lãi quá hạn 3.997.500 đồng)

2. Kể từ ngày 01/12/2018 bị đơn chưa thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn mức lãi suất theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/8/2012, đối với số tiền gốc chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 971.483 đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 416.000 đồng, theo biên lai thu số 0007439 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**
*- Các đương sự;*
*- VKSND huyện Mỹ Tú;*
*- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
*- TAND tỉnh Sóc Trăng;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Đào Thị Kiều Oanh**